

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ngày 26 tháng 3 năm 2025.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 604/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết:

- Ông Nguyễn Bình T; sinh năm: 1980;

Căn cước công dân số 079080019114; Cấp ngày 10/5/2021;

Địa chỉ: F đường A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị Ngọc T1, sinh năm: 1989;

Căn cước công dân số 079189010424; Cấp ngày 22/11/2021;

Địa chỉ D đường P, khu phố A, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 01, Quyền số 127/2010 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận I (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/11/2010 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Bình T và bà Trần Thị Ngọc T1 là hợp pháp.

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông T, bà T1 là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu ông T, bà T1 chung sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Vì muốn ổn định cuộc sống nên ông T, bà T1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông T và bà T1 có 03 con chung tên Nguyễn Trần Hạo N, sinh ngày 01/11/2012, Nguyễn Trần Hạo T2, sinh ngày 09/5/2019 và Nguyễn Trần Hạo P, sinh ngày 18/6/2021. Ông T và bà T1 thỏa thuận ông T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Trần Hạo N, sinh ngày 01/11/2012. Bà T1 chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Trần Hạo T2, sinh ngày 09/5/2019 và Nguyễn Trần Hạo P, sinh ngày 18/6/2021. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Bình T và bà Trần Thị Ngọc T1 thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Bình T và bà Trần Thị Ngọc T1 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, Quyền số 127/2010 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận I (nay là thành phố T) cấp ngày 25/11/2010 chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao ông Nguyễn Bình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Trần Hạo N, sinh ngày 01/11/2012.

Giao bà Trần Thị Ngọc T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Trần Hạo T2, sinh ngày 09/5/2019 và Nguyễn Trần Hạo P, sinh ngày 18/6/2021.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông T, bà T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ nêu trên; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Bình T và bà Trần Thị Ngọc T1 chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông T, bà T1 đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0083678 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập ngày 10/3/2025. Ông T, bà T1 đã nộp đủ lệ phí việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- VKSND TP. HCM;
- UBND phường Tăng Nhơn Phú B;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Thị Thu Phượng